TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **146**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08-8-2023
V/v: "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Châu Thị Kim Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Tài;

2. Bà Võ Thị Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Ngọc Yến, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 48/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 về "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 71/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Lê Huyền V, sinh năm 1990. *Vắng mặt*.

- *Bị đơn:* anh Lương Văn T, sinh năm 1988. *Vắng mặt*.

Cùng địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn A, huyện S, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2023, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Lê Huyền V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị V và anh Lương Văn T tự nguyện kết hôn vào ngày 05/10/2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện S, tỉnh Q. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống hạnh phúc được một thời gian thì

xảy ra mâu thuẫn, anh T thường xuyên chơi cờ bạc. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh Lương Văn T.

Về con chung: chị V và anh T có 01 con chung tên là Lương Quốc K, sinh năm 02/9/2015. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại cháu K đang ở với chị.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Đối với bị đơn, anh Lương Văn T: trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không hợp tác, cố tình không đến Tòa án làm việc, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, anh T không có ý kiến về nội dung vụ án và vắng mặt tại các phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nuôi con của chị Nguyễn Lê Huyền V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Nguyễn Lê Huyền V có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Lương Văn T, địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn A, huyện S, tỉnh Q. Nay, chị V xin ly hôn với anh T và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là *"Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Nguyễn Lê Huyền V có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn - anh Lương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: chị V và anh T tự nguyện kết hôn và được Uỷ ban nhân dân thị trấn A, huyện S, tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 069/2015 ngày 05 tháng 10 năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án, chị V cho rằng vợ chồng chung sống không hạnh phúc do anh T thường xuyên cờ bạc và hiện nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T đều vắng mặt, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật nên không có ý kiến về nội dung vụ án, không tham gia các phiên hòa giải theo các Thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa, anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do trong khi chị V có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn cương quyết xin ly hôn. Điều đó, cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị V, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: chị V và anh T có 01 con chung tên là Lương Quốc K, sinh năm 02/9/2015. Sau khi ly hôn, chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Theo Thông báo về kết quả giải quyết, hủy bỏ đăng ký cư trú số 1700/TB ngày 10/4/2023 của Công an phường T, Quận 7, thành phố H thì cháu K đang sinh sống cùng với chị V; tại bản trình bày của cháu K thì cháu cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đều không có ý kiến gì về con chung, không có mặt tại các phiên hòa giải và các phiên tòa thể hiện anh T không quan tâm đến con cái. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định và toàn diện của cháu K, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu K cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con, chị V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Lê Huyền V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Lê Huyền V đối với anh Lương Văn T về việc "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Lê Huyền V và anh Lương Văn T.

2. Về con chung: giao cháu Lương Quốc K, sinh năm 02/9/2015 cho chị Nguyễn Lê Huyền V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị V không yêu cầu anh Lương Văn T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị Nguyễn Lê Huyền V phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị V đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004972 ngày 16/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Ủy ban nhân dân thị trấn A (GCNKH số 069 ngày 05/10/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Châu Thị Kim Phượng